

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong Quý I năm 2022.

Thực hiện Công văn số 1896/UBND-KSTT ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý I năm 2022; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình thực hiện như sau:

1. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: Không
- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động: Không

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL:

- Tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo: 01 TTHC và 01 văn bản QPPL do HĐND tỉnh ban hành.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 23/2/2022 về Công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KHĐT.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 về Công bố danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KHĐT.
- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 03/03/2022 về Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Về công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC:

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 03 quyết định / 10 TTHC (sửa đổi 09 TTHC; ban hành mới 01 TTHC).
- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh,
- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 10 TTHC / 10 TTHC; trong đó số TTHC được công khai: 10 TTHC.
- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của bộ, cơ quan tính đến thời điểm báo cáo: 140 TTHC; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan: 91 TTHC.
- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương: 140 TTHC; trong đó: Số TTHC do Trung ương quy định: 139 TTHC; số TTHC do địa

phương quy định: 01 TTHC.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh): 02 TTHC (lĩnh vực đầu tư xây dựng).

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 0 TTHC.

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: Số TTHC giữ nguyên: 0 TTHC; Số TTHC bãi bỏ: 0 TTHC; Số TTHC sửa đổi, bổ sung: 0 TTHC; Số TTHC thay thế: 0 TTHC; Số TTHC liên thông: 0 TTHC; Số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử: 0 TTHC.

- Số tiền tiết kiệm được: 0 đồng

- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được: 0 đồng.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa : 0.

5. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC:

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:

+ Số tiếp nhận mới trong kỳ: Không.

+ Số từ kỳ trước chuyển qua: Không.

+ Số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: Không.

+ Số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: Không

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: Không; trong đó:

+ Số đã được đăng tải công khai: Không.

+ Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: Không.

- Trong Quý I năm 2022, Sở không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến kiến nghị TTHC. Chủ yếu là hỏi đáp trên chuyên mục Tiếp nhận ý kiến của Trang Thông tin Điện tử của Sở ... Sở đã trả lời cho cá nhân, tổ chức qua chuyên mục Tiếp nhận ý kiến.

- Thường xuyên duy trì việc công khai địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử của Sở tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên Trang Thông tin Điện tử của Sở và màn hình trình chiếu trụ sở cơ quan.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC: (Từ ngày 15/12/2021-14/3/2022)

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:

+ Số mới tiếp nhận trong kỳ: 1.195 hồ sơ (trực tuyến: 1.125 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 20 hồ sơ);

+ Số từ kỳ trước chuyển qua: 50 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.046 hồ sơ; trong đó:

+ Giải quyết trước hạn: 735 hồ sơ

+ Giải quyết đúng hạn: 282 hồ sơ.

+ Giải quyết quá hạn: 29 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 149 hồ sơ; trong đó:

+ Trong hạn: 120 hồ sơ.

+ Quá hạn: 29 hồ sơ.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Toàn bộ danh mục TTHC được UBND tỉnh phê duyệt đã được niêm yết công khai trên Trang Thông tin Điện tử của Sở, Trang TTHC của tỉnh và xây dựng quy trình điện tử và đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh.

- Đã xây dựng quy trình các TTHC trên Cổng Dịch vụ Công trực tuyến của

tính đối với từng TTHC; Bổ sung, điều chỉnh, sửa đổi, bãi bỏ ... đã được đồng bộ các quy trình điện tử trên Cổng dịch vụ công của tỉnh sau khi sửa đổi, bổ sung.

- Toàn bộ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được tiếp nhận và hoàn trả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai 100% TTHC áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên các lĩnh vực. Việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của Sở luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, quy trình tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công - Văn phòng UBND tỉnh tiến hành rà soát việc kiểm thử các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Các hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đều được số hóa trên Cổng Dịch vụ công của Tỉnh; Tất cả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC 1 cửa được số hóa và cập nhật trên Cổng Dịch vụ công của Tỉnh.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

- Thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, phổ biến kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan về công tác kiểm soát TTHC, CCHC và các văn bản chỉ đạo về công tác kiểm soát TTHC của UBND tỉnh, của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan cũng như các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khi đến liên hệ giải quyết công việc nhận thức đúng về CCHC và hỗ trợ thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC một cách hiệu quả.

- Tuyên truyền các quyết định, quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên Trang Thông tin Điện tử của Sở.

- Tuyên truyền được triển khai chủ yếu thông qua bản tin nội bộ, đưa tin trên Trang Thông tin điện tử, Hội nghị giao ban hàng tháng cơ quan...

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC: Không

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-SKHĐT ngày 10/01/2022 về Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 tại các Phòng chuyên môn và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ Doanh nghiệp. Theo Kế hoạch trong năm 2022 sẽ kiểm tra 03 phòng chuyên môn. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác CCHC.

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC trên các lĩnh vực: thể chế; thủ tục hành chính (TTHC); tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước; chế độ công vụ; tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành.

- Công khai xin lỗi công dân và tổ chức: Theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về ban hành quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

12. Nội dung khác

- Công tác kiểm soát TTHC là công việc thường xuyên của cơ quan, do đó, lãnh đạo Sở đã có sự phân công, phân công cụ thể cho các Phòng chuyên môn, cử công chức làm đầu mối theo dõi thực hiện công tác kiểm soát TTHC, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện kiểm soát TTHC.

- Ban hành các Kế hoạch như: Kiểm soát, kiểm tra, tuyên truyền, rà soát, CCHC... theo dõi triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Cử công chức tham gia các khóa tập huấn hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức (nếu có).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong quý I năm 2022, Sở đã ban hành các Kế hoạch: Kiểm soát, kiểm tra, tuyên truyền, rà soát, CCHC... theo Kế hoạch của UBND tỉnh kịp thời, đúng thời gian quy định; Đã tăng cường công tác kiểm soát TTHC, đẩy mạnh công tác CCHC, kiểm soát TTHC, ứng dụng CNTT, tập trung triển khai và tổ chức thực hiện tốt trong việc tiếp nhận và trả kết quả, kiện toàn bộ phận tiếp nhận, trả kết quả trong tháng 02/2022; đơn đốc rà soát toàn bộ hồ sơ 1 cửa của Sở (nếu có) chậm trễ, điều chỉnh các quy trình điện tử xử lý hồ sơ 1 cửa, 1 cửa liên thông...

Điều chỉnh quy trình xử lý hồ sơ 1 cửa trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, triển khai các TTHC lên mức độ 3, mức độ 4 đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc làm các thủ tục, hạn chế tối đa việc doanh nghiệp đi lại nhiều lần.

Đã nắm được tình hình giải quyết công việc, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công việc phục vụ ngày một tốt hơn. Số lượng hồ sơ tiếp nhận 1 cửa trong Quý I/2022 nhiều hơn số lượng hồ sơ tiếp nhận trong Quý I/2021, việc giải quyết hồ sơ chậm trễ trong Quý I/2022 ít hơn so với Quý I/2021.

Việc tiếp nhận và trả kết quả cho các cá nhân, tổ chức đều đúng thời gian quy định, hạn chế việc đi lại của cá nhân, tổ chức. Công tác tiếp nhận và trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đã đi vào hoạt động có hiệu quả, chất lượng phục vụ ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

Trong quý I/2022, mặc dù đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên công tác giải quyết TTHC vẫn còn một số khó khăn, tồn tại sau:

- Vẫn còn có các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi làm thủ tục chưa nghiên cứu sâu các chính sách, quy định của nhà nước, dẫn đến công tác chuẩn bị hồ sơ không đúng quy định, không đầy đủ, thiếu thông tin cơ bản, sai thông tin, nhập sai thủ tục hành chính, chưa đăng ký tài khoản trên Dịch vụ công của Tỉnh...

- Một số hồ sơ giải quyết chưa được thực hiện theo đúng thời gian quy định, một số TTHC phụ thuộc vào thời gian giải quyết của các cơ quan, hồ sơ có tính chất phức tạp, lấy ý kiến, tổ chức họp với một số cơ quan ban ngành có liên quan trên địa bàn tỉnh hoặc hồ sơ đã liên thông với UBND tỉnh nhưng phải chờ ý kiến lãnh đạo tỉnh, lấy ý kiến các thành viên của UBND tỉnh. Vì vậy, thời gian trả hồ sơ chậm so với quy định đã ghi trong phiếu biên nhận hồ sơ, làm ảnh hưởng đến hiệu quả trong việc giải quyết các TTHC cho cơ quan, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Một số cơ quan nhà nước việc đăng ký, cập nhật danh mục TTHC đối với hồ sơ 1 cửa trực tuyến chưa đúng lĩnh vực, nhiều khi hồ sơ TTHC này thì nhập TTHC khác, thành phần chưa đầy đủ, việc nhúng file điện tử sai thành phần hồ

sơ (thậm chí chưa có chữ ký số)....

- Trong Quý I/2022, hồ sơ TTHC trễ hạn, chủ yếu là do một số nguyên nhân chính sau:

+ Hồ sơ TTHC đã liên thông gửi lên UBND tỉnh theo thời gian quy định nhưng vẫn chưa được giải quyết phải chờ ý kiến của Lãnh đạo tỉnh, hoặc lấy ý kiến các thành viên của UBND tỉnh.

+ Phần mềm liên thông với các ngành vẫn chưa hoàn thiện, hồ sơ được gia hạn tại các Sở thẩm định chuyên ngành nhưng thời hạn ở Sở KHĐT vẫn không gia hạn theo. Phần mềm thường hay xảy ra lỗi, sự cố, chạy chậm..., việc thống kê các hồ sơ theo định kỳ thời gian, theo phòng chuyên môn giải quyết chưa thực hiện được. Đường truyền mạng WAN chạy chậm, nhiều khi cập nhật file điện tử có dung lượng lớn của các thành phần hồ sơ bị lỗi không gửi được. Một số TTHC khi tiếp nhận không có thành phần kèm theo và các biểu mẫu trên phần mềm dịch vụ công (đã có kiến nghị những lần trước).

+ Do hồ sơ có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cần phải tổ chức họp liên ngành để có ý kiến thống nhất hoặc có văn bản lấy ý kiến thẩm định gửi các ngành có liên quan đến lĩnh vực hồ sơ TTHC đó nên xảy ra tình trạng chậm. Nếu có hồ sơ TTHC bị chậm trễ, Sở cũng đã có văn bản xin gia hạn trên hệ thống và gửi về đơn vị chủ đầu tư, doanh nghiệp, nhà đầu tư...

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

- Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách hành chính ở cơ quan theo nhiệm vụ đã được phân công; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về cải cách hành chính đảm bảo về thời gian và chất lượng nội dung báo cáo.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấn chỉnh cải tiến lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thi hành công vụ.

- Tiếp tục thực hiện tốt quy trình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC theo mô hình một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt trên Trang Thông tin điện tử của Sở về các hoạt động kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia tích cực của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư vào công tác cải cách TTHC nói chung và kiểm soát, rà soát TTHC nói riêng.

- Tiếp tục rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL theo chức năng nhiệm vụ được giao, phát hiện những nội dung trái pháp luật của văn bản để kịp thời tham mưu UBND tỉnh đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Duy trì triển khai thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định, đảm bảo đúng thủ tục, quy trình và thời gian. Rà soát, thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo kế hoạch.

- Chỉ đạo các Phòng chuyên môn trong việc giải quyết hồ sơ TTHC theo đúng thời gian quy định.

- Cử cán bộ chuyên trách kiểm soát TTHC tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo do Tỉnh tổ chức.

- Duy trì và áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; xây dựng quy trình ISO điện tử.

- Đảm bảo tất cả TTHC phải được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch và chính xác.
- Tiến hành kiểm tra, giám sát theo kế hoạch về công tác kiểm soát TTHC, công tác giải quyết hồ sơ 1 cửa của các Phòng chuyên môn để có những biện pháp chấn chỉnh kịp thời.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện công tác của Sở.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Tổ chức họp giao ban cho cán bộ làm đầu mối về công tác kiểm soát thủ tục hành chính của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.
- Đối với Phần mềm dịch vụ công trực tuyến, khi thực hiện liên thông với các ngành vẫn chưa hoàn thiện, hồ sơ được gia hạn tại các Sở thẩm định chuyên ngành nhưng thời hạn ở Sở Kế hoạch và Đầu tư vẫn không gia hạn theo. Vì vậy, hồ sơ 1 cửa liên thông với các Sở chuyên ngành thường bị trễ hạn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thống kê số lượng hồ sơ theo Phòng chuyên môn nghiệp vụ thụ lý hồ sơ một cửa trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chưa đầy đủ, chính xác, đề nghị cần nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung... để hoàn thiện.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý I năm 2022 gửi Văn phòng UBND tỉnh biết, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, TTTT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng chuyên môn/Trung tâm (tin nội bộ);
- Lưu VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Quốc Sơn

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**Kỳ báo cáo: Quý I năm 2022***(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/3/2022)*

- Đơn vị báo cáo:

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ*Đơn vị tính: SỐ PAKN.*

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)=(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(9)+(10)=(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)	
1	Không có phản ánh kiến nghị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu số
II.06a/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/3/2022)

- Đơn vị báo cáo:
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)
1.	Thành lập và Phát triển Doanh nghiệp.	1009	970	19	20	979	693	280	6	30	30	0
2.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0
3.	Lĩnh vực đầu tư xây dựng	104	89	0	15	37	22	0	15	67	53	14
4.	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	50	40	1	9	18	13	1	4	32	22	10
5.	Lĩnh vực đầu tư không xây dựng	18	15	0	3	4	3	0	1	14	10	4
6.	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	13	10	0	3	7	3	1	3	6	5	1
TỔNG CỘNG		1195	1125	20	50	1046	735	282	29	149	120	29

Biểu số
II.07b/VPCP/KSTT

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/3/2022)

- Đơn vị báo cáo:
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, %.

I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA

STT	Lĩnh vực	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa (CCMC), MCLT				Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành			
		Tổng số TTHC	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	Tổng số TTHC	Tại BPMC cấp tỉnh	Tại BPMC cấp huyện	Tại BPMC cấp xã	Tổng số quy trình	Cấp tỉnh	cấp huyện	Cấp xã
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+ (10)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+ (13)+14)	(12)	(13)	(14)
1.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp.	56	56			56	56			56	56	0	0
2.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	3	3			3	3			3	3		
3.	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	15	15			15	15			15	15		
4.	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam	22	22			22	22			22	22		
5.	Lĩnh vực đấu thầu	13	13			13	13			13	13		
6.	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và	8	8			8	8			8	8		

	viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.											
7.	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.	1	1			1	1			1	1	
8.	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	12	12			12	12			12	12	
9.	Lĩnh vực đầu tư xây dựng	4	4			4	4			4	4	
10.	Lĩnh vực đầu tư không xây dựng	5	5			5	5			5	5	
11.	Lĩnh vực kế hoạch đầu tư	1	1			1	1			1	1	
TỔNG CỘNG		140	140			140	140			140	140	

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH:

STT	Lĩnh vực	Cấp tỉnh		Cấp huyện	
		Số lượng TTHC	Tỷ lệ	Số lượng TTHC	Tỷ lệ
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp.	9/56	16,07%		
2	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội	3/3	100%		
3	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã (Liên hiệp HTX)	15/15	100%		
4	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	12/12	100%		

Biểu số
IL.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI
TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý III năm 2021
(Từ ngày 15/6/2021 đến hết ngày 14/9/2021)

- Đơn vị báo cáo:
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND tỉnh.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
A DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI								
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (56 TTHC)							
	Mục 1: Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (51)							
1.	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	0
2.	Thông báo hủy bỏ Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.				X	X	0	0
3.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân				X	X	0	1
4.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên				X	X	0	1
5.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên				X	X	0	1
6.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần				X	X	0	1
7.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh				X	X	0	1
8.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty				X	X	0	1

	TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)							
9.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
10.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh				X	X	0	1
11.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần				X	X	0	0
12.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
13.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên				X	X	0	1
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên				X	X	0	1
15.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết				X	X	0	1
16.	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
17.	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân				X	X	0	0
18.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết				X	X	0	1
19.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết				X	X	0	1
20.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)				X	X	0	1

21.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
22.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				X	X	0	1
23.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương				X	X	0	1
24.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.				X	X	0	1
25.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh				X	X	0	0
26.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				X	X	0	1

27.	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính				X	X	0	0
28.	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền				X	X	0	0
29.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty				X	X	0	0
30.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty				X	X	0	0
31.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				X	X	0	1
32.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				X	X	0	1
33.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)				X	X	0	1

34.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại				X	X	0	1
35.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần				X	X	0	1
36.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên				X	X	0	1
37.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên				X	X	0	1
38.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.				X	X	0	1
39.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.				X	X	0	1
40.	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.				X	X	0	0
41.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)				X	X	0	1
42.	Giải thể doanh nghiệp				X	X	0	1
43.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án				X	X	0	1
44.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				X	X	0	1

45.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	1
46.	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.				X	X	0	0
47.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội				X	X	0	0
48.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội				X	X	0	0
49.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp				X	X	0	1
50.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh				X	X	0	0
51.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán				X	X	0	0
	Mục 2: Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Có 05 thủ tục hành chính)				X	X	0	
1.	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập	X	X				0	0
2.	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý.	X	X				0	0
3.	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	X	X				0	0
4.	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	X	X				0	1
5.	Giải thể công ty TNHH một thành viên	X	X				0	0

II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (C6 03 thủ tục hành chính)							
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X	X				0	0
2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	X	X				0	0
3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X	X				0	0
III	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX) (15 thủ tục hành chính)							
1.	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã.				X	X	0	0
2.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
3.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
4.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã				X	X	0	0
5.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia				X	X	0	1
6.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách				X	X	0	1
7.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất				X	X	0	0
8.	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập				X	X	0	0
9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)				X	X	0	0
10.	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
11.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
12.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
13.	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0
14.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	X	X				0	0

15.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã					X	X	0	0
IV	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Có 22 thủ tục hành chính)								
1.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	X	X					0	0
2.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh	X	X					0	0
3.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	X	X					0	0
4.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	X	X					0	0
5.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	X	X					0	0
6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	X	X					0	0
7.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	X	X					0	0
8.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	X	X					0	0
9.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh.	X	X					0	0
10.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND	X	X					0	0

	tỉnh							
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư đề hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	X	X				0	0
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	X	X				0	0
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	X	X				0	0
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	X	X				0	0
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	X	X				0	0
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X	X				0	0

20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	X	X				0	0
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	X	X				0	0
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	X	X				0	0
V	Lĩnh vực đấu thầu (13 thủ tục hành chính)							
	Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư hình thức đối tác công tư PPP và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (10 thủ tục hành chính) (10 TTHC)							
1.	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án.							0
2.	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.							0
3.	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.	X	X				0	0
4.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư.	X	X				0	0
5.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	X	X				0	0
6.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	X	X				0	0
7.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
8.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
9.	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
10.	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
	Mục 2: Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư (03 TTHC)							
11.	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	X	X				0	0
12.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.	X	X				0	0
13.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư.	X	X				0	0

VI	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. (07 TTHC)						
1.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	X	X			0	0
2.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh.	X	X			0	0
3.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.	X	X			0	0
4.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.	X	X			0	0
5.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại						
6.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm (cấp tỉnh).	X	X			0	0
7.	Xác nhận chuyên gia	X	X			0	0
VII	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 thủ tục hành chính)						
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	X	X			0	0
VIII	Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (12 TTHC)						
Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (05 TTHC)							
1.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	X	X			0	0

2.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
3.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
4.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
5.	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	X	X				0	0
Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn (03 TTHC)								
6.	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	X	X				0	0
7.	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên	X	X				0	0
8.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	X	X				0	0
Mục 3. Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (04 TTHC)								
9.	Hỗ trợ nguồn nhân lực	X	X				0	0
10.	Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh	X	X				0	0
11.	Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
12.	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo	X	X				0	0
IX Lĩnh vực đầu tư xây dựng (Có 04 TTHC)								
1.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.	X	X				0	0
2.	Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	X	X				0	0
3.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	X	X				0	0
4.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	X	X				0	0
X Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (Có 05 TTHC)								
5.	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án.	X	X				0	0
6.	Thẩm định thiết kế thi công và dự toán	X	X				0	0
7.	Trình phê duyệt dự án	X	X				0	0
8.	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán	X	X				0	0
9.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	X	X				0	0
XI Lĩnh vực kế hoạch đầu tư								
1	Hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	X	X				0	0

Biểu số
II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUỆ.**

Kỳ báo cáo: Quý I/ 2022
(Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/03/2022)

- Đơn vị báo cáo:
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Đơn vị nhận báo cáo:
UBND Tỉnh

Đơn vị tính: TTHC, VB.

I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	02	00	12	0	09	03	12	00	140

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01	01	01	01	00	00	01	00	01
	TỔNG CỘNG	01	01	01	01	00	00	01	00	01

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ